

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2025/HS-ST

Ngày: 20-6-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Do

2. Ông Trần Thanh Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quốc D; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17/7/1995 tại Gia Lai; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn E, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 064095010328; cấp ngày 12 tháng 9 năm 2022. Nơi cấp: Cục Q về TTXH; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Ngọc N (Đã chết) và bà: Từ Thị D1; Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Yên N1 (Đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án: 01; Tiền sự: Không.

Ngày 16/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử và tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Bắt người trái pháp luật*” (đã được xóa án tích).

Ngày 08/12/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử và tuyên phạt 01 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bị cáo chấp hành án tại trại giam X1, tỉnh Phú Yên đến ngày 07/7/2024 chấp hành xong về địa phương cư trú (chưa được xóa án tích).

Từ ngày 08/10/2024 đến ngày 19/12/2024, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/01/2025 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Phân trại tạm giam Đak Đoa, Trại tạm giam Công an tỉnh G; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Việt H** - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 05/8/2003 tại Gia Lai; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Nguyễn Bá N2, làng K, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 064203010358 cấp ngày 10 tháng 5 năm 2021; Nơi cấp: Cục Q về TTXH; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Phụ bếp; Con ông Lê Văn V và bà Trương Thị L; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 19/12/2024, thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có bị Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 25/02/2025, Công an phường T, thành phố P ban hành Thông báo số 31/TB-CAP về việc Lê Việt H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ xem xét, xử lý.

Ngày 26/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn và Lệnh bắt bị cáo để tạm giam từ ngày 28/02/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Đak Đoa, Trại tạm giam Công an tỉnh G; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Đinh Văn T - sinh năm: 2010; Trú tại: Làng P, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại T: Bà M, sinh năm 1984; Trú tại: Làng P, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H1 - sinh năm: 1970; Trú tại: Tổ H, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà K - sinh năm 1969; Trú tại: Làng P, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Bà H2; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc D có 01 tiền án về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, chưa được xóa án tích. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2024 đến tháng 12/2024, D đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào năm 2023, trong lúc chấp hành án tại Trại giam X1, tỉnh Phú Yên, D quen biết anh Trần Thanh S (Sinh năm 1993, trú tại huyện C, tỉnh Gia Lai) đang chấp hành án. Khoảng tháng 8/2024, sau khi chấp hành xong án phạt, D đến nhà anh S chơi và quen biết bà Nguyễn Thị H1 (Sinh năm 1970, trú tại Tổ H,

phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, mẹ của D). Đến khoảng tháng 9/2024, D không liên hệ được cho anh S nên sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 gọi điện thoại cho bà H1 để hỏi thăm thì được biết anh S sang Campuchia làm việc và bị đánh đập nên bà H1 muốn chuộc anh S về nước, trước đó bà H1 đã chuyển số tiền 30.000.000 đồng cho người quản lý để chuộc anh S về nhưng không thành công. Do không có tiền tiêu xài, D nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền của bà H1 nên D nói với bà H1 bản thân từng làm việc tại Campuchia và quen người quản lý tên W, người này có thể giúp anh S về nước. Để tạo niềm tin với bà H1, ngày 08/10/2024 D truy cập vào mạng xã hội Facebook của anh S, tải hình ảnh chân dung anh S về máy và gửi cho bà H1, đồng thời nói đã nhờ W tìm thấy anh S. Sau đó, D yêu cầu bà H1 chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 10374376256 mang tên NGUYEN QUOC DUNG thuộc ngân hàng Thương mại cổ phần T2 để D mua vé sang Campuchia đưa anh S về nước. Bà H1 tin tưởng nên đã chuyển số tiền trên theo yêu cầu của D. Để tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà H1, D lên mạng tải hình ảnh một người đang ngồi trên xe khách gửi cho bà H1, giả vờ rằng mình đang trên đường sang Campuchia. Khoảng 08 giờ ngày 09/10/2024, D tiếp tục tải hình ảnh “Văn phòng bến xe C” trên mạng Internet gửi cho bà H1, yêu cầu bà H1 chuyển thêm số tiền 2.500.000 đồng với lý do cần thêm tiền để tiếp tục đi sang Campuchia, bà H1 đồng ý và chuyển số tiền trên vào tài khoản của D. Đến khoảng 13 giờ ngày 10/10/2024, D liên hệ với bà H1 nói đã nhờ được người giúp chuộc anh S yêu cầu bà H1 chuyển thêm số tiền 30.000.000 đồng để chuộc người. Nghe việc con trai sẽ được về nước nên bà H1 đã chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản của D. Sau khi nhận được số tiền trên, D đã tiêu xài cá nhân hết. Sau một thời gian, không thấy anh S trở về và không liên lạc được với D, bà H1 nhận thấy mình đã bị lừa đảo nên đã làm đơn trình báo sự việc với cơ quan Công an.

Lần thứ hai: Vào khoảng 10 giờ ngày 19/12/2024, do không có tiền tiêu xài, Nguyễn Quốc D nảy sinh ý định đến quán nhậu “Hồ Ia B” tại Thôn F, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để tìm người có tài sản nhằm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi đến quán, D gặp chủ quán là anh Siu M1 (Sinh năm 1977, trú tại thôn O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai), D yêu cầu anh M1 làm đồ nhậu để ngồi ăn và đợi cơ hội. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, D nhìn thấy nhóm anh Đinh Văn T (Sinh năm 2010), anh Đinh T1 (Sinh năm 2009) và anh X (Sinh năm 1999) cùng trú tại xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai đi vào chòi số 4 của quán. D mang theo 02 đĩa thức ăn của mình đi đến chòi số 4 xin được ngồi nhậu cùng thì nhóm thanh niên đồng ý. Trong lúc ăn uống, D tự giới thiệu tên là H, nhà ở xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Một lúc sau, D mượn điện thoại di động của anh T1 để chơi điện tử, khi điện thoại gần hết pin thì D rủ mọi người hát Karaoke bằng loa kéo kéo của quán, nhưng không có ai cầm theo điện thoại ngoài Thuê mà lại đang hết pin. Lúc này, D nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của nhóm anh T nên hỏi mượn xe mô tô để đi lấy sạc điện thoại, T đồng ý nhưng đề nghị đi cùng D. Anh T đưa cho D chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA,

loại xe Sirius, biển số 81P1-353.21 để D chở T về nhà lấy sạc. D điều khiển xe chở anh T đến ngã ba đường thuộc thôn F, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai thì D dừng xe lại, chỉ tay về phía nhà bà Nguyễn Thị Mai H3 (Sinh năm 1968, trú tại Thôn F, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) nói dối đó là nhà mình, nói anh T xuống xe chờ ở bên ngoài để D vào nhà lấy cục sạc. D điều khiển xe mô tô biển số 81P1-353.21 chạy vào sân nhà bà H3 một vòng rồi bỏ đi về hướng thành phố P. Khi đến đoạn đường N, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, D mượn điện thoại của một người dân đi qua đường để gọi cho Lê Việt H, D hỏi “*Có xe chạy chưa*” thì H trả lời “*Chưa có*”, D nói tiếp “*Có chiếc xe để lại cho em chạy, em có lấy không*”, H đồng ý và hẹn D đến quán cà phê đầu đường N để xem xe (Trước đó, D đang nợ H số tiền 2.500.000 đồng và biết H chưa có phương tiện để đi lại). Khoảng 01 tiếng sau, Lê Việt H đến chỗ hẹn xem xe, H hỏi “*Xe đâu mà có, giấy tờ xe đâu?*”, D trả lời “*Xe của Chư S1, xe này do mới lừa lấy được của người ta nên không có giấy tờ*”. Mặc dù biết rõ xe mô tô 81P1-353.21 là tài sản do D phạm tội mà có nhưng H vẫn đồng ý mua với giá 4.200.000 đồng, H đưa cho D số tiền 1.700.000 đồng (sau khi trừ khoản nợ 2.500.000 đồng trước đó). Số tiền bán xe D đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi thấy D đi về hướng thành phố P, anh T nghĩ rằng D đi công việc nên tiếp tục đứng đợi khoảng 60 phút nhưng không thấy D quay lại nên vào nhà bà H3 hỏi thì biết đây không phải nhà D. Biết bản thân bị lừa nên T đến Công an xã I trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, làm việc với Nguyễn Quốc D và Lê Việt H, đồng thời tiến hành thu giữ xe mô tô biển số 81P1-353.21.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 07/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu dáng Sirius, màu đỏ - đen, mang biển số 81P1-353.21, số máy: B32VE269009, số khung: RICUE3710LY142500 có trị giá 17.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 là phương tiện D sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà H1. D khai nhận, vì hết tiền tiêu xài nên đã bán cho người thu mua phế liệu, đồ điện tử dạo (không rõ nhân thân, lai lịch) nên không thu giữ được.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đỏ đen, biển số 81P1-353.21. Qua điều tra, xác định đây là tài sản của bà K (Sinh năm 1969, trú tại làng P, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai, bác của T), bà K cho T mượn xe để đi chơi nên Cơ quan điều tra đã trả lại chủ sở hữu.

Về dân sự: Anh Đinh Văn T, bà K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác. Bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Quốc D bồi thường số tiền 35.500.000 đồng nhưng hiện bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS.H.ĐAK ĐOA ngày 28-4-2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc D

về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Lê Việt H về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D với mức án từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt bị cáo Lê Việt H với mức án từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không

Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Quốc D phải nộp lại vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 4.200.000 đồng.

Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự; đề nghị tuyên buộc bị cáo Nguyễn Quốc D phải thường cho bị hại Nguyễn Thị H1 số tiền 35.500.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Quốc D và Lê Việt H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc D phải chịu 1.775.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo đều nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà phù hợp với kết luận giám định, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 08/10/2024 đến ngày 10/10/2024, Nguyễn Quốc D đưa ra các thông tin không có thật về việc bản thân có thể chuộc anh S từ Campuchia về nước nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà H1 để tiêu xài cá nhân. Bằng thủ đoạn trên, bị cáo Nguyễn Quốc D đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H1 tổng số tiền 35.500.000 đồng. Vào ngày 19/12/2024, Nguyễn Quốc D đã có hành vi sử dụng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 81P1-353.21 có trị giá 17.000.000 đồng của anh Đinh Văn T. Tổng tài sản chiếm đoạt là 52.500.000 đồng.

Bị cáo Lê Việt H dù không hứa hẹn trước nhưng khi biết rõ xe mô tô 81P1-353.21 là tài sản do Nguyễn Quốc D phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua với số tiền 4.200.000 đồng.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác nêu trên của bị cáo Nguyễn Quốc D là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của người khác với tổng thiệt hại 52.500.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo Lê Việt H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Tuy không hứa hẹn trước, nhưng bị cáo biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có vẫn tiến hành tiêu thụ. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Đoa đã truy tố đối với các bị cáo D và H về các tội đã viện dẫn trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Các bị cáo phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do các bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Quốc D có 01 tiền án về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “*tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Việt H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc D được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị cáo Lê Việt H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 4.200.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo Nguyễn Quốc D phải nộp lại vào ngân sách nhà nước.

[5]. Về dân sự: Bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Quốc D bồi thường số tiền 35.500.000 đồng. Xét yêu cầu của phía bị hại là chính đáng, có căn cứ và tại phiên phiên tòa bị cáo D đã đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về vật chứng: Quá trình điều tra đã được giải quyết xử lý vật chứng nên không đề cập giải quyết trong bản án này.

[7]. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc D về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và bị cáo Lê Việt H phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 03 (Ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày ngày 06/01/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Việt H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày ngày 28/02/2025.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Quốc D phải nộp lại vào ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 4.200.000 đồng.

4. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Quốc D phải thường cho bị hại Nguyễn Thị H1 số tiền 35.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc D và Lê Việt H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc D phải chịu 1.775.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- THADS huyện Đa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Rmah HThuyên